TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 49/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 08-11-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

Ông Dương Văn Siêng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Kim Thị Mỹ Dung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh *tham gia phiên tòa*: không có.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị Yến N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh, vắng mặt - có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị Yến N trình bày: vào năm 1994 do quen biết và qua thời gian tìm hiểu nên bà và ông T tự nguyện đi đến hôn nhân được gia đình đôi bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật, sau khi kết hôn vợ chồng về sống bên gia đình chồng đến tại Ấp V, xã A, huyện T cho đến nay, vợ chồng chung sống hạnh phúc được hơn 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong công việc làm ăn, thường xuyên cự cải, mâu thuẫn trầm trọng, nếu kéo dài thì cuộc hôn nhân giữa bà và ông T cũng không hạnh phúc, xác định tình cảm không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án không công nhận giữa bà và ông Lê Văn T là vợ chồng. Về con chung: tên Lê Thúy K, sinh ngày 19/7/1997 đã thành niên và có gia đình riêng nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn T trình bày: về thời gian sống chung, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung, nợ chung ông thống nhất với phần trình bày của bà Yến N. Về hôn nhân ông T thống nhất theo yêu cầu của bà Yến N là không công nhận ông và bà Yến N là vợ chồng vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung tên Lê Thúy K, sinh ngày 19/7/1997 đã thành niên và có gia đình riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục xét xử vắng mặt tất cả các đương sự: Nguyên đơn bà Ngô Thị Yến N, bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà Ngô Thị Yến N và ông Lê Văn T đều thống nhất xác lập quan hệ vợ chồng tự nguyện vào năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn. Như vậy, giữa bà Yến N với ông T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng đến nay giữa bà Yến N với ông T không có đăng ký kết hôn. Tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".* Quá trình giải quyết bà Yến N và ông T thuận tình ly hôn, vì nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nhưng do bà Yến N với ông T sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: tên Lê Thúy K, sinh ngày 19/7/1997 đã thành niên và có gia đình riêng nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 16 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên bố:

1. Không công nhận bà Ngô Thị Yến N với ông Lê Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: tên Lê Thúy K, sinh ngày 19/7/1997 đã thành niên và có gia đình riêng, ông, bà không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị Yến N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012619 ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Cú.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Trà Cú;
- CCTHADS huyện Trà Cú;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Phúc